



For Earth, For Life
Kubota

L

MÁY KÉO DIESEL KUBOTA L5018

Dòng máy kéo mạnh mẽ và linh hoạt, đáp ứng tốt mọi công việc trên cả ruộng khô lẫn ruộng lúa nước.



Sức mạnh vượt trội, vận hành linh hoạt mọi công việc khó khăn nhất trên đồng

Được thiết kế với công suất mạnh mẽ và sự linh hoạt vượt trội, máy kéo Kubota L5018 có thể xử lý mọi công việc đồng áng từ ruộng lúa, ruộng hoa màu đến những vùng đất trồng cây công nghiệp một cách hiệu quả nhất, nhằm tiết kiệm thời gian và nhiên liệu. Bên cạnh đó, L5018 còn đem lại cảm giác nhẹ nhàng và thoải mái nhất cho người vận hành cho dù trong bất kỳ điều kiện công việc khó khăn, nặng nhọc nào.

50 MÃ LỰC | Cùng bạn gánh vác mọi công việc đồng áng nặng nhọc nhất với sức mạnh và hiệu quả vượt trội

Với động cơ dầu Kubota mạnh mẽ, bền bỉ và tiết kiệm nhiên liệu sẽ giúp bạn hoàn thành công việc một cách hiệu quả nhất. Bạn cũng sẽ cảm nhận được sự thoải mái sau một ngày dài làm việc nhờ động cơ hoạt động êm ái và ít rung lắc.

Vận hành dễ dàng, xoay chuyển linh hoạt

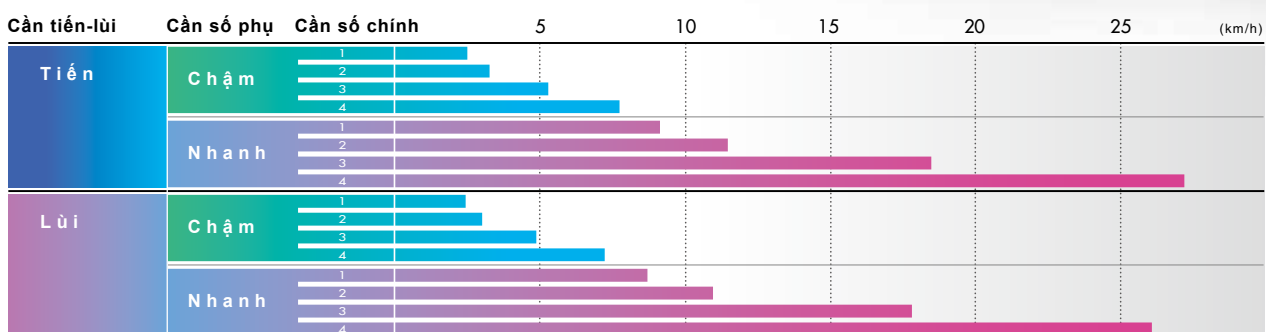
Máy kéo L5018 mang tính cơ động cao khi hoạt động tại các góc ruộng. Cần số tiến lùi độc lập giúp L5018 chuyển hướng và xoay trở một cách nhịp nhàng và nhanh chóng.



Tốc độ làm việc lý tưởng

Công việc nhiều, đòi hỏi phải hoàn thành sớm và đạt hiệu quả cao? Đã có máy kéo Kubota L5018 mới! Được trang bị cơ cấu sang số đồng tốc với 8 số tới và 8 số lùi, L5018 cho phép bạn dễ dàng chọn lựa tốc độ làm việc lý tưởng trong từng điều kiện canh tác.

Tốc độ di chuyển: L5018 (Với kích thước bánh sau 13.6 - 26 inch)



, đảm đương
ruộng.

MÁY KÉO DIESEL KUBOTA

L5018



Bảng đồng hồ hiển thị đầy đủ và dễ quan sát

Tất cả những thông số quan trọng của máy đều được hiển thị trên bảng đồng hồ hiển thị LED nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và năng suất vận hành. Tốc độ làm việc, vòng quay PTO và giờ máy hoạt động được hiển thị bằng điện tử, các thông số còn lại được hiển thị bằng kim-số như vòng tua máy, nhiệt độ nước làm mát và nhiên liệu.

Dễ dàng bảo dưỡng

Với L5018, công việc kiểm tra và bảo dưỡng của bạn không thể nào dễ dàng hơn. Chỉ với một thao tác đơn giản, nắp ca-pô sẽ được mở hoàn toàn một cách nhanh chóng và bạn có thể dễ dàng tiếp cận những bộ phận bên trong mà không cần thêm bất cứ một dụng cụ chuyên dùng nào khác.

Ghế ngồi thoải mái

Ghế ngồi trên L5018 được thiết kế để mang lại sự thoải mái nhất, giúp bạn làm việc lâu mà vẫn không thấy mệt mỏi.

Bạn sẽ hoàn toàn hài lòng khi chọn L5018 cho công việc đồng áng của mình.



Năng suất vượt trội trên cả ruộng lúa nước lẫn ruộng khô

L5018 được trang bị hệ dẫn động 4 bánh nhằm nâng cao khả năng làm việc trên ruộng lún lầy. Hộp bảo vệ bánh răng côn chính hiệu Kubota được làm kín hoàn toàn đem lại khả năng chống nước tối ưu. Với lợi thế khoảng sáng gầm cao và trục cơ sở dài giúp máy vận hành hiệu quả trên mọi điều kiện đồng ruộng.

Các đặc điểm khác

- Đèn làm việc bên thân máy - giúp bạn làm việc vào ban đêm hay trong điều kiện thiếu sáng.
- Còi báo cấp liệu - giúp bạn yên tâm đổ dầu vào máy mà không sợ tràn khi sắp đầy.
- Còi báo quá nhiệt - giúp bạn biết được khi nào động cơ đang bị quá nhiệt.

Thông số kỹ thuật:

Kiểu máy		L5018
Động cơ		
Nhà sản xuất		Kubota
Kiểu		V2403-M-DI
Loại		Diesel, 4 kỳ, 4 xy-lanh thẳng hàng, làm mát bằng dung dịch, phun nhiên liệu trực tiếp
Công suất tổng	HP	50
Công suất làm việc	HP	47
Số xy-lanh		4
Đường kính và hành trình xy-lanh	mm	87 x 102.4
Dung tích xy-lanh	ℓ	2.434
Tốc độ	vòng/phút	2700
Mô-men xoắn cực đại	Nm	155
Dung tích bình nhiên liệu	ℓ	48
PTO		
Loại trục		Theo tiêu chuẩn Mỹ SAE 1-3/8, 6 rãnh then
Tốc độ PTO/Động cơ	vòng/phút	540 (2268), 750 (2348)
Hệ thống thủy lực		
Hệ thống điều khiển thủy lực		Điều khiển vị trí
Công suất bơm	ℓ/min.	30.5
Móc 3 điểm		Loại I
Lực nâng tối đa Tại điểm nâng	kg	1300
Sau điểm nâng 610mm	kg	1053
Hệ thống di chuyển		
Lớp Trước		8 - 18
Sau		13.6 - 26
Bộ ly hợp		Đĩa đơn, loại khô
Tay lái trợ lực		Tiêu chuẩn (Tích hợp)
Hộp số		8 số tiến và 8 số lùi
Cơ cấu sang số		Sang số đồng tốc
Hệ thống phanh		Loại đĩa ướt
Bán kính quay vòng tối thiểu (có phanh)	m	2.65
Vận tốc di chuyển	Tiến	km/h
Lùi	km/h	2.5 - 27.2
		2.4 - 26.1
Kích thước		
Chiều dài tổng thể (Không tính móc 3 điểm)	mm	3200
Chiều rộng tổng thể	mm	1495
Chiều cao tổng thể	mm	2049
Chiều dài cơ sở	mm	1925
Khoảng sáng gầm tối thiểu	mm	400
Chiều rộng Trước	mm	1150
cơ sở	Sau (Loại cố định)	mm
	Sau (Loại điều chỉnh)	mm
		1155, 1225
		1125, 1225, 1325, 1350, 1445
Khối lượng	kg	1490

Kubota giữ quyền thay đổi các thông số kỹ thuật trên mà không cần báo trước.

Vui lòng liên hệ Đại lý tại địa phương để biết thêm chi tiết về sản phẩm, chính sách bảo hành và cách vận hành an toàn.

©2016 Kubota Corporation

Kubota

CÔNG TY TNHH KUBOTA VIỆT NAM

Lô B-3A2-CN, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
ĐT: (0650) 3577501 Fax: (0650) 3577503